

Bản án số: 1555/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 22-9-2020

V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành Thông
Ông Nguyễn Thành Châu

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Trường An - Cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 22 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 152/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4444/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Hà Thị Mỹ T, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Số 91/3 đường H, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Ông Weng, Yu-P, sinh năm 1982

Quốc tịch: Trung Quốc (Đài Loan).

Địa chỉ: Đài Loan.

(Các đương sự đều có đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và Bản tự khai, nguyên đơn là bà Hà Thị Mỹ T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Weng, Yu-P tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện D, tỉnh N và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 25/2017 ngày 04 tháng 4 năm 2017. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, thời gian về sau thì vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng ngôn ngữ, bất hòa về quan điểm, công việc, nơi cư trú, tính tình và lối sống khác biệt nhau. Ông Weng, Yu-P thì về Đài Loan không trở lại Việt Nam, còn bà thì ở lại Việt Nam, vợ chồng không còn liên lạc gì với nhau nữa, cũng không thể hòa giải và hàn gắn lại được nên đã ly thân cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài nên bà yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xem xét, giải quyết cho bà được ly hôn với ông Weng, Yu-P.

Về con chung: Bà và ông Weng, Yu-P không có con chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà và ông Weng, Yu-P không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà và ông Weng, Yu-P không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo Đơn cam kết đồng ý ly hôn đã được chứng nhận/hợp pháp hóa lãnh sự, bị đơn là ông Weng, Yu-P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Hà Thị Mỹ T tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện D, tỉnh N và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 25/2017 ngày 04 tháng 4 năm 2017. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, thời gian về sau thì vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng ngôn ngữ, bất hòa về quan điểm, công việc, nơi cư trú, tính tình và lối sống khác biệt nhau. Ông thì về Đài Loan không trở lại Việt Nam, còn bà Hà Thị Mỹ T thì ở lại Việt Nam, vợ chồng không còn liên lạc gì với nhau nữa, cũng không thể hòa giải và hàn gắn lại được nên đã ly thân cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài nên ông đồng ý ly hôn với bà Hà Thị Mỹ T.

Về con chung: Ông và bà Hà Thị Mỹ T không có con chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông và bà Hà Thị Mỹ T không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông và bà Hà Thị Mỹ T không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn là bà Hà Thị Mỹ T và bị đơn là ông Weng, Yu-P đều có đề nghị xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ngày 05/5/2020, bà Hà Thị Mỹ T có Đơn khởi kiện về việc ly hôn, yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xem xét, giải quyết cho bà Hà Thị Mỹ T được ly hôn với ông Weng, Yu-P. Do ông Weng, Yu-P đang cư trú tại Đài Loan, nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Khoản 3 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, yêu cầu khởi kiện nêu trên của bà Hà Thị Mỹ T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Về tố tụng:

Nguyên đơn là bà Hà Thị Mỹ T có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đồng thời bị đơn là ông Weng, Yu-P cũng có Đơn xin vắng mặt đã được chứng nhận/hợp pháp hóa lãnh sự, nên căn cứ vào Khoản 4 Điều 207, Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 và Điểm a Khoản 1 Điều 478 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Về quan hệ hôn nhân: Giữa bà Hà Thị Mỹ T và ông Weng, Yu-P có quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn theo quy định. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp và thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Căn cứ vào các chứng cứ mà Tòa án thu thập được từ Bản tự khai của bà Hà Thị Mỹ T và Đơn cam kết đồng ý ly hôn đã được chứng nhận/hợp pháp hóa lãnh sự của ông Weng, Yu-P, hai bên thống nhất thuận tình ly hôn nên có cơ sở xác định rằng mục đích của hôn nhân giữa bà Hà Thị Mỹ T và ông Weng, Yu-P đã không đạt được. Do đó Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà Hà Thị Mỹ T xin được ly hôn với ông Weng, Yu-P.

Về con chung: Bà Hà Thị Mỹ T và ông Weng, Yu-P đều trình bày là không có con chung, nên không yêu cầu giải quyết. Do đó Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không xem xét.

Về tài sản chung: Bà Hà Thị Mỹ T và ông Weng, Yu-P đều trình bày là không có tài sản chung, nên không yêu cầu giải quyết. Do đó Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không xem xét.

Về nợ chung: Bà Hà Thị Mỹ T và ông Weng, Yu-P đều trình bày là không có nợ chung, nên không yêu cầu giải quyết. Do đó Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không xem xét.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Hà Thị Mỹ T là nguyên đơn có yêu cầu ly hôn nên căn cứ vào Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bà Hà Thị Mỹ T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 37, Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 228, Điểm a Khoản 2 Điều 478 và Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2016;

- Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57 và Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Hà Thị Mỹ T, cụ thể như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Bà Hà Thị Mỹ T và ông Weng, Yu-P thuận tình ly hôn. Quan hệ hôn nhân giữa bà Hà Thị Mỹ T và ông Weng, Yu-P chấm dứt, Giấy chứng nhận kết hôn số 25/2017 ngày 04 tháng 4 năm 2017 của bà Hà Thị Mỹ T và ông Weng, Yu-P do Ủy ban nhân dân huyện D, tỉnh N cấp không còn giá trị pháp lý, kể từ khi bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung:

Bà Hà Thị Mỹ T và ông Weng, Yu-P đều trình bày là không có con chung, do đó Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung:

Bà Hà Thị Mỹ T và ông Weng, Yu-P đều trình bày là không có tài sản chung, do đó Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung:

Bà Hà Thị Mỹ T và ông Weng, Yu-P đều trình bày là không có nợ chung, do đó Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không xem xét, giải quyết.

5. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Hà Thị Mỹ T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được căn trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí bà Hà Thị Mỹ T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0091588 ngày 19/5/2020 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Hà Thị Mỹ T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

6. Về quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm:

Bà Hà Thị Mỹ T vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, nên quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đối với bà Hà Thị Mỹ T là 15 ngày, kể từ ngày bà Hà Thị Mỹ T được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Ông Weng, Yu-P vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, nên quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đối với ông Weng, Yu-P là 01 tháng, kể từ ngày ông Weng, Yu-P được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- UBND huyện D, tỉnh N;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Mỹ Hạnh